

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 31-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Hàng hải Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để cụ thể hoá về tổ chức và hoạt động của Cục Hàng hải Việt Nam, đồng thời quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản điều lệ về tổ chức và hoạt động của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 2. - Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ĐIỀU LỆ

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31-TTg ngày 2-2-1993

của Thủ tướng Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Cục Hàng hải Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải được thành lập theo Nghị định số 239-HĐBT ngày 29-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

Tên giao dịch quốc tế viết bằng tiếng Anh là: VIETNAM NATIONAL MARITIME BUREAU

Viết tắt là: VINAMARINE.

Cục Hàng hải Việt Nam có tư cách pháp nhân, có ngân sách và con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, có trụ sở đặt tại Hà Nội.

Điều 2. - Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan quản lý Nhà nước về chuyên ngành Hàng hải trong phạm vi cả nước, bao gồm hoạt động Hàng hải của các đơn vị do Cục trực tiếp quản lý, do các Bộ, ngành khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân địa phương quản lý, hoạt động Hàng hải của các tổ chức và cá nhân, kể cả tổ chức và người nước ngoài hoạt động Hàng hải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. - Cục Hàng hải Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc sau:

1. Cục hàng hải Việt Nam chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và sự quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những lĩnh vực có liên quan.
2. Mọi hoạt động của Cục Hàng hải Việt Nam phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôn trọng và chấp hành các điều ước quốc tế về hàng hải do Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký, tham gia hoặc cam kết thực hiện.
3. Cục Hàng hải Việt Nam bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của mọi tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực hàng hải tại Việt Nam; quản lý Nhà nước các doanh nghiệp trực thuộc Cục theo pháp luật.
4. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam thay mặt Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành Hàng hải trong cả nước.

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam là người đứng đầu Cục Hàng hải Việt Nam, lãnh đạo Cục theo chế độ Thủ trưởng trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Điều 4. - Về kế hoạch:

1. Căn cứ vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn 5 năm và hàng năm của ngành Hàng hải Việt Nam để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trong tổng thể chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển toàn ngành giao thông vận tải trong cả nước trình Chính phủ phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đó.
2. Tham gia với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các phương án đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Việt Nam nhằm phát triển các cơ sở hạ tầng của ngành hàng hải Việt Nam. Phân tích các hiệu quả các hoạt động kinh tế và đầu tư của ngành; giám sát, giúp đỡ các đơn vị sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả.
3. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật thuộc chuyên ngành hàng hải Việt Nam để trình cấp có thẩm quyền duyệt và ban hành; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các định mức ấy.
4. Duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh giao vốn, chỉ tiêu hướng dẫn, đơn đặt hàng của Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 5. - Về tài chính, kế toán, thống kê, giá cả:

1. Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chính sách, chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức và chỉ đạo công tác kế toán phù hợp với tính chất của từng doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp của ngành; kiến nghị việc bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ về công tác tài chính - kế toán của ngành.
3. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch thu chi ngoại tệ và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Xây dựng chế độ thu chi các loại lệ phí, cước phí hàng hải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thay mặt Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đóng góp kinh phí hàng năm cho tổ chức Hàng hải quốc tế. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ thu nộp tài chính cho ngân sách Nhà nước, trực tiếp thực hiện một số khoản thu theo sự uỷ nhiệm của Bộ Tài chính.
5. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền việc điều hoà vốn, điều tiết thu nhập đối với các đơn vị trực thuộc.

6. Được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải uỷ quyền giao vốn cho các đơn vị trực thuộc Cục và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Cục bảo toàn và phát triển vốn được giao.
7. Duyệt và tổng hợp quyết toán tài chính các đơn vị trực thuộc trình các cơ quan cấp trên theo quy định.
8. Quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản, kinh phí được giao cho Cục. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc lập kinh phí của Cục Hàng hải bảo đảm phù hợp quy định chung của Nhà nước.

Điều 6. - Về xây dựng cơ bản:

Cục Hàng hải là chủ quản đầu tư đối với các công trình xây dựng về hàng hải được ghi trong kế hoạch Nhà nước và giao cho Cục quản lý.

Điều 7. - Về tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương:

1. Lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, phát triển và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên thuộc ngành hàng hải trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện.
2. Xây dựng các chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên, biên chế, định mức lao động trong ngành Hàng hải trình các cấp có thẩm quyền duyệt và ban hành.
Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn hành nghề cho các đối tượng hoạt động hàng hải khác.
3. Cục thực hiện việc cấp, đổi bằng sĩ quan hàng hải, quản lý danh bạ thủy thủ, sĩ quan hàng hải, thực hiện việc cấp thu hồi giấy phép hành nghề của các đối tượng hoạt động hàng hải khác.
4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hộ lao động và bảo vệ nội bộ ngành.
5. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị cấp có thẩm quyền, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Phó Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, các Tổng Giám đốc và chức vụ tương đương, Kế toán trưởng của các Tổng công ty và cấp tương đương, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam bổ nhiệm, điều động miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh còn lại của các đơn vị trực thuộc.

6. Thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan giúp việc Cục trưởng, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.

Đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, giải thể chuyên sở hữu các doanh nghiệp hàng hải trực thuộc Cục theo quy định của pháp luật.

Cấp giấy phép hoạt động, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đại lý, môi giới, hoa tiêu, dịch vụ hàng hải, các đại diện hàng hải trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. - Về pháp luật:

1. Xây dựng các dự án luật, các văn bản dưới luật, các quy chế quản lý, các quy phạm thuộc chuyên ngành hàng hải để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Ban hành những tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể áp dụng trong lĩnh vực hàng hải.

3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế về hàng hải trong ngành hàng hải. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giải quyết hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý hàng hải chưa được quy định trong luật.

4. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân viên trong ngành Hàng hải.

Điều 9. - Về quan hệ quốc tế:

Dự thảo chiến lược và chính sách phát triển quan hệ quốc tế về Hàng hải để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tham gia đàm phán, soạn thảo các hiệp định, nghị định thư về Hàng hải với các nước.

2. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải để Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ việc tham gia (hoặc không tham gia) các tổ chức quốc tế, các công ước quốc tế về hàng hải, được uỷ quyền thay mặt Chính phủ Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức hàng hải quốc tế, ký kết các điều ước quốc tế về hàng hải; chỉ đạo việc ký kết các hợp đồng với nước ngoài về hàng hải theo đúng pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và pháp luật quốc tế.

3. Quản lý các dự án quốc tế tài trợ cho ngành Hàng hải. Tham gia với các cơ quan có thẩm quyền xem xét để cấp giấy phép hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực Hàng hải.